

PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Phan Mai¹
Email: maintp@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1054

Tóm tắt: Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chiến lược chuyển đổi số quốc gia, bảo hiểm thất nghiệp đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức mới. Ở Việt Nam, chính sách bảo hiểm thất nghiệp được thiết lập tương đối toàn diện trong Luật Việc làm năm 2013 và đang được điều chỉnh, cập nhật bằng Luật Việc làm năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, với nhiều điểm mới về đối tượng, mức đóng - hưởng và phương thức thực hiện chế độ. Bài viết phân tích cơ sở lý luận về bảo hiểm thất nghiệp và chuyển đổi số trong lĩnh vực an sinh xã hội; đánh giá thực trạng pháp luật về Việt Nam, đặc biệt là sự điều chỉnh trong Luật Việc làm năm 2025; làm rõ tác động của chuyển đổi số đối với việc thực thi pháp luật; qua đó chỉ ra những vấn đề đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật bảo hiểm thất nghiệp trong giai đoạn tới. Từ những phân tích này, bài viết đề xuất một số kiến nghị lập pháp và kiến nghị về tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm chính sách bảo hiểm thất nghiệp vừa bao quát được các hình thức việc làm mới trong nền kinh tế số, vừa tận dụng hiệu quả hạ tầng số để nâng cao tính minh bạch, kịp thời và công bằng của chế độ.

Từ khóa: bảo hiểm thất nghiệp, chuyển đổi số, hoàn thiện pháp luật, luật việc làm, trợ cấp thất nghiệp

I. Đặt vấn đề

Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là một trong những trụ cột quan trọng của hệ thống an sinh xã hội hiện đại, nhằm bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi mất việc làm, đồng thời hỗ trợ họ học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm mới, góp phần ổn định thị trường lao động.

Khung pháp lý về bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam hiện chủ yếu được ghi nhận trong Luật Việc làm năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, với các chế độ cơ bản như trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề.

Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế - xã hội và công nghệ đã thay đổi sâu sắc. Một mặt,

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

cơ cấu việc làm dịch chuyển mạnh dưới tác động của kinh tế số, với sự xuất hiện ngày càng phổ biến của lao động nền tảng (platform work), lao động tự do, làm việc từ xa, hợp đồng linh hoạt... vốn khó “bắt dính” với mô hình bảo hiểm thất nghiệp truyền thống vốn dựa nhiều vào quan hệ lao động chính thức. Mặt khác, chiến lược chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển ngành bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam đến năm 2030 và Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử đã thúc đẩy quá trình số hóa mạnh mẽ trong lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN.

Thông kê cho thấy đến khoảng 30/6/2025, số người tham gia BHTN đạt khoảng 16,42 triệu người, tương đương khoảng 34,8% lực lượng lao động trong độ tuổi; con số này tăng đáng kể so với giai đoạn trước, phản ánh mức độ mở rộng bao phủ chính sách BHTN (Thời báo tài chính Việt Nam, 2025).

Song song, BHXH Việt Nam đã cung cấp khoảng 70 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, với tỷ lệ rất lớn hồ sơ được giải quyết hoàn toàn trực tuyến. Điều này tạo ra nền tảng thuận lợi để chuyển quá trình giải quyết chế độ BHTN lên môi trường số. Trong bối cảnh Quốc hội đã thông qua Luật Việc làm năm 2025 với nhiều điều chỉnh quan trọng liên quan đến BHTN, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, vấn đề đặt ra là phải đánh giá lại khung pháp luật về BHTN dưới góc độ thích ứng với chuyển đổi số: mức độ “số hóa” trong các quy định hiện hành; khả năng bao quát các hình thức việc làm mới; mức độ bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân; cơ chế chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan.

Bài viết này hướng tới trả lời các câu hỏi: (i) Pháp luật Việt Nam về BHTN hiện nay được thiết kế như thế nào và đang được sửa đổi theo hướng nào trong Luật Việc làm năm 2025? (ii) Chuyển đổi số đang tác động ra sao đến việc thực hiện pháp luật BHTN? (iii) Những yêu cầu và định hướng chủ yếu nào đặt ra cho việc hoàn thiện pháp luật BHTN trong giai đoạn chuyển đổi số?

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm, vai trò của bảo hiểm thất nghiệp

Theo cách tiếp cận của Luật Việc làm, BHTN là chế độ bảo hiểm nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, đồng thời hỗ trợ họ học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở quỹ BHTN được hình thành bởi sự đóng góp của người lao động, người sử dụng lao động và sự hỗ trợ của Nhà nước.

Về bản chất, BHTN có một số đặc trưng: (i) Là loại hình bảo hiểm xã hội mang tính bắt buộc với một số nhóm lao động; (ii) Hoạt động theo nguyên tắc đóng - hưởng và chia sẻ rủi ro; (iii) Có chức năng vừa bù đắp thu nhập, vừa “kích hoạt” trở lại quá trình tham gia thị trường lao động thông qua tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại. Khác với trợ cấp thất nghiệp thuần túy mang tính cứu trợ, BHTN gắn chặt với thị trường lao động, coi người thất nghiệp là đối tượng cần hỗ trợ để quay lại làm việc chứ không chỉ là người nhận trợ cấp thụ động.

Trong nền kinh tế số, rủi ro thất nghiệp không chỉ đến từ suy thoái kinh tế hay tái cấu trúc doanh nghiệp, mà còn do tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, dịch chuyển chuỗi cung ứng và mô hình nền tảng, khiến nhiều công việc biến mất hoặc thay

đôi nhanh chóng. Điều này làm nổi bật hơn vai trò của BHTN như một “bộ đệm” giúp người lao động thích ứng với các cú sốc của thị trường lao động.

2.2. Mục tiêu, nguyên tắc của chính sách bảo hiểm thất nghiệp

Hệ thống BHTN Việt Nam được thiết kế với các mục tiêu chính: (i) Bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi thất nghiệp; (ii) Hỗ trợ người lao động nhanh chóng quay lại thị trường lao động thông qua tư vấn, giới thiệu việc làm; (iii) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề để người lao động chuyển đổi việc làm phù hợp; (iv) Góp phần ổn định thị trường lao động và bảo đảm an sinh xã hội.

Các nguyên tắc cơ bản của chính sách BHTN bao gồm: (i) Nguyên tắc đồng - hưởng, chia sẻ rủi ro trong cộng đồng; (ii) Bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các nhóm người lao động; (iii) Minh bạch, hiệu quả trong quản lý và sử dụng quỹ BHTN; (iv) Kết hợp giữa hỗ trợ thu nhập và các biện pháp chủ động về việc làm (active labour market policies). Những nguyên tắc này là cơ sở để đánh giá sự phù hợp của các quy định pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số: việc ứng dụng công nghệ có làm tăng hay giảm tính minh bạch, công bằng, hiệu quả của chính sách?

2.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp

Chuyển đổi số trong lĩnh vực BHTN có thể được hiểu là quá trình áp dụng công nghệ số (hạ tầng dữ liệu, nền tảng điện tử, trí tuệ nhân tạo, big data...) để số hóa, liên thông và tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ: từ thu - chi, quản lý đối tượng, giải quyết chế độ đến giám sát, kiểm tra, thanh tra.

Chiến lược phát triển ngành BHXH Việt Nam đến năm 2030 xác định rõ

nhiệm vụ xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác.

Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử cũng yêu cầu BHXH Việt Nam kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp thông tin BHXH, BHTN trên ứng dụng định danh điện tử VNeID, tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện các thủ tục an sinh xã hội.

Trong nội bộ ngành BHXH, nhiều kết quả đáng chú ý đã được ghi nhận: khoảng 70 dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình được triển khai, tích hợp 100% trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ giải quyết hoàn toàn trực tuyến đạt khoảng 80%; dữ liệu về BHXH, BHYT, BHTN được quản lý tập trung, liên thông với dữ liệu dân cư và dữ liệu của các bộ, ngành liên quan. Đây là điều kiện quan trọng để “số hóa” quá trình thực hiện chính sách BHTN.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

Thứ nhất, phương pháp phân tích - tổng hợp và tiếp cận pháp lý chuẩn tắc (doctrinal legal analysis)

Trên cơ sở đọc, phân tích các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và mới ban hành liên quan đến BHTN (Luật Việc làm 2013, Luật Việc làm 2025 và các văn bản hướng dẫn), bài viết hệ thống hóa, làm rõ nội dung và logic nội tại của các quy định pháp luật, từ đó chỉ ra những điểm hợp lý và bất cập, đặc biệt trong mối quan hệ với yêu cầu chuyển đổi số.

Thứ hai, phương pháp so sánh pháp luật ở mức độ chọn lọc

Bài viết tham chiếu một số xu hướng quốc tế (thông qua các tài liệu thứ cấp, báo cáo chính sách và các bài viết khoa học bằng tiếng Việt) về thích ứng chính sách BHTN với các hình thức việc làm mới và chuyển đổi số, qua đó đối chiếu với bối cảnh Việt Nam để rút ra nhận xét và định hướng khuyến nghị ở mức khái quát.

Thứ ba, phương pháp thống kê - mô tả

Các số liệu thứ cấp về số người tham gia BHTN, tình hình chi trả, mức độ triển khai dịch vụ công trực tuyến... được trích dẫn từ báo cáo của BHXH Việt Nam và các nguồn báo chí - tạp chí chuyên ngành (Thời báo Tài chính Việt Nam, 2025; BHXH Việt Nam, 2025a), nhằm minh họa cho tác động của chuyển đổi số đối với thực tiễn thực hiện pháp luật BHTN.

Thứ tư, phương pháp phân tích chính sách và tiếp cận liên ngành

Trên cơ sở kết hợp phân tích pháp lý với phân tích chính sách công, bài viết xem xét BHTN trong mối quan hệ với các chiến lược, đề án về chuyển đổi số (Chiến lược phát triển BHXH, Đề án 06...), từ đó đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật theo hướng bảo đảm tính đồng bộ với chuyển đổi số quốc gia.

Sự kết hợp các phương pháp trên cho phép bài viết không chỉ mô tả, giải thích quy định pháp luật hiện hành mà còn đưa ra những đánh giá và gợi mở định hướng sửa đổi pháp luật BHTN trong bối cảnh chuyển đổi số.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Khung pháp lý hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp

Khung pháp lý cơ bản về BHTN hiện nay được quy định trong Luật Việc

làm năm 2013 và Luật Việc làm năm 2025 (sắp có hiệu lực), cùng với các nghị định, thông tư hướng dẫn (Quốc hội, 2013, 2025).

Về đối tượng tham gia, BHTN áp dụng bắt buộc đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn, không xác định thời hạn hoặc theo mùa vụ/công việc nhất định có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên với người sử dụng lao động thuộc diện tham gia (Quốc hội, 2013). Người lao động, người sử dụng lao động và Nhà nước cùng đóng góp vào quỹ BHTN theo tỷ lệ phần trăm tiền lương, trong đó luật mới điều chỉnh trần đóng theo mức 20 lần lương tối thiểu vùng (Quốc hội, 2025).

Về chế độ, người lao động đáp ứng đủ điều kiện (đã đóng BHTN đủ thời gian, chấm dứt hợp đồng hợp pháp, đăng ký thất nghiệp, nộp hồ sơ trong thời hạn, chưa tìm được việc làm) được hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng, được tư vấn - giới thiệu việc làm, được hỗ trợ học nghề, và được hưởng BHYT trong thời gian hưởng trợ cấp (Quốc hội, 2013; Nhân Dân, 2025a). Mức hưởng cơ bản bằng 60% bình quân tiền lương đóng BHTN của một số tháng trước khi thất nghiệp, trong giới hạn trần do pháp luật quy định.

Về thủ tục, pháp luật quy định tương đối cụ thể về hồ sơ, trình tự, thời hạn giải quyết trợ cấp thất nghiệp (thường không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ), trong đó đã thừa nhận kênh nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống điện tử khác (Nhân Dân, 2025b). Tuy nhiên, nhiều quy định vẫn được thiết kế trên nền tảng thủ tục giấy truyền thống.

4.2. Ưu điểm và hạn chế của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp từ góc độ chuyển đổi số

Về ưu điểm, có thể ghi nhận: khung pháp luật BHTN tương đối toàn diện; quỹ BHTN có quy mô ngày càng lớn, bao phủ ngày càng rộng; các chế độ hỗ trợ học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm đã bước đầu gắn kết BHTN với chính sách việc làm chủ động; Luật Việc làm 2025 có các điều chỉnh tăng tính công bằng, minh bạch, kịp thời trong chế độ BHTN (BHXH Việt Nam, 2025b; Thời báo Tài chính Việt Nam, 2025).

Tuy vậy, từ góc độ chuyển đổi số, còn một số hạn chế:

Phạm vi bao phủ còn hạn chế đối với lao động phi chính thức, lao động nền tảng số, người làm việc tự do, trong khi đây là nhóm ngày càng đông trong nền kinh tế số (Kinh tế và Dự báo, 2025);

Quy định về hồ sơ, thủ tục điện tử BHTN chưa đồng bộ, nhiều khâu vẫn đòi hỏi giấy tờ, trong khi hạ tầng số đã cho phép xác thực, đối chiếu dữ liệu điện tử (Nhân Dân, 2025b);

Thiếu các quy định chi tiết về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh thông tin trong quá trình xử lý dữ liệu người thất nghiệp trên môi trường số, dù yêu cầu này đã được nêu trong các văn bản về dữ liệu và chuyển đổi số (Chính phủ, 2022);

Cơ chế chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan còn chưa thông suốt, gây khó khăn trong xác định đúng tình trạng thất nghiệp, phòng chống trục lợi quỹ (BHXH Việt Nam, 2025a, 2025b).

4.3. Tác động của chuyển đổi số đến thực thi pháp luật bảo hiểm thất nghiệp

4.3.1. Tác động tích cực

Đối với cơ quan quản lý, cơ quan BHXH

Chuyển đổi số giúp cơ quan BHXH tăng cường hiệu quả quản lý quỹ, giám sát

quá trình đóng - hưởng, phát hiện gian lận. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung về BHXH, BHYT, BHTN và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho phép đối chiếu, xác thực nhanh chóng, phát hiện các trường hợp vừa hưởng trợ cấp thất nghiệp vừa có việc làm, hoặc trùng lặp hưởng chế độ (BHXH Việt Nam, 2023, 2025a).

Các thủ tục BHTN được triển khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia góp phần rút ngắn thời gian xử lý, minh bạch hóa quy trình, giảm tiếp xúc trực tiếp, hạn chế tiêu cực (Nhân Dân, 2025b).

Đối với người lao động và người sử dụng lao động

Người lao động có thể nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, thông báo việc tìm kiếm việc làm, tạm dừng hoặc tiếp tục hưởng trợ cấp thông qua nền tảng trực tuyến; theo dõi trạng thái giải quyết hồ sơ, lịch chi trả qua Cổng Dịch vụ công, ứng dụng VssID và các kênh điện tử khác (Lao động - Xã hội, 2025; BHXH Việt Nam, 2025a). Người sử dụng lao động cũng được hỗ trợ nhờ dịch vụ công trực tuyến về đăng ký, điều chỉnh đóng BHTN, khai báo tình trạng lao động, giám trùng lặp thủ tục với cơ quan thuế, đăng ký kinh doanh.

4.3.2. Những thách thức đặt ra

Bên cạnh các tác động tích cực, chuyển đổi số cũng đặt ra nhiều thách thức:

Khoảng cách số: Nhiều người lao động (lớn tuổi, vùng sâu vùng xa, trình độ học vấn thấp, lao động phi chính thức) thiếu kỹ năng số và điều kiện hạ tầng, dẫn đến nguy cơ “bất bình đẳng số” trong tiếp cận dịch vụ BHTN (Kinh tế và Dự báo, 2025).

Rủi ro về bảo mật dữ liệu: Việc xử lý, chia sẻ lượng lớn dữ liệu cá nhân về dân cư, việc làm, thu nhập, lịch sử tham gia -

hưởng BHTN đặt ra yêu cầu rất cao về bảo mật, an toàn thông tin (Chính phủ, 2022).

Khung pháp lý về dữ liệu, định danh: Dù đã có Đề án 06 và các văn bản liên quan, nhưng việc nội luật hóa các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu, định danh điện tử vào quy định cụ thể của pháp luật BHTN vẫn còn khoảng trống (BHXH Việt Nam, 2023; Chính phủ, 2022).

Bao quát mô hình việc làm mới: Sự phát triển của lao động nền tảng, lao động tự do trên môi trường số đặt ra câu hỏi pháp lý về xác định chủ thể sử dụng lao động, căn cứ xác định thất nghiệp, trong khi pháp luật BHTN vẫn chủ yếu dựa vào quan hệ lao động truyền thống (Kinh tế và Dự báo, 2025).

4.4. Yêu cầu và định hướng hoàn thiện pháp luật bảo hiểm thất nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số

Bảo đảm tính đồng bộ với chiến lược chuyển đổi số và chiến lược phát triển BHXH: Pháp luật BHTN cần được thiết kế thống nhất với Chiến lược phát triển ngành BHXH đến năm 2030 và các chương trình, đề án chuyển đổi số, đặc biệt là Đề án 06, bảo đảm “nói cùng ngôn ngữ” với các luật về giao dịch điện tử, dữ liệu, định danh, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân (BHXH Việt Nam, 2023; Chính phủ, 2022).

Mở rộng và điều chỉnh phạm vi áp dụng BHTN: Cần từng bước mở rộng BHTN đến nhóm lao động phi chính thức và lao động nền tảng theo lộ trình hợp lý, có thể kết hợp: BHTN bắt buộc với một số loại hình lao động nền tảng; BHTN tự nguyện có hỗ trợ của Nhà nước với nhóm thu nhập thấp, không ổn định; xây dựng tài khoản an sinh xã hội cá nhân, cho phép người lao động “mang theo” lịch sử đóng -

hưởng khi dịch chuyển giữa các hình thức việc làm (BHXH Việt Nam, 2025a; Kinh tế và Dự báo, 2025).

Hoàn thiện quy định về giao dịch điện tử, dữ liệu và bảo vệ dữ liệu trong BHTN:

Pháp luật BHTN cần ghi nhận rõ giá trị pháp lý của hồ sơ, chứng từ, quyết định điện tử; quy định về hình thức, giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử trong giải quyết chế độ; chuẩn hóa việc sử dụng chữ ký số, tài khoản định danh (VNeID) trong giao dịch với cơ quan BHXH và cơ quan quản lý việc làm (Chính phủ, 2022). Đồng thời, cần các quy định chi tiết về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực BHTN: phạm vi dữ liệu, mục đích xử lý, thời hạn lưu trữ, quyền của người lao động, trách nhiệm của cơ quan quản lý, cơ chế xử lý và bồi thường khi vi phạm.

Tăng cường cơ chế chia sẻ, liên thông dữ liệu: Cần xác định rõ cơ quan đầu mối quản lý dữ liệu về việc làm và thất nghiệp; xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và pháp lý để chia sẻ dữ liệu giữa BHXH, cơ quan lao động, thuế, công an, giáo dục nghề nghiệp; đồng thời quy định quyền và trách nhiệm của các bên trong bảo đảm chất lượng, an ninh dữ liệu (BHXH Việt Nam, 2023, 2025a).

Bảo đảm công bằng xã hội trong chuyển đổi số: Việc hoàn thiện pháp luật BHTN trong bối cảnh chuyển đổi số cần gắn với mục tiêu công bằng xã hội: hỗ trợ nhóm yếu thế (người khuyết tật, người cao tuổi, người dân vùng sâu vùng xa...) tiếp cận dịch vụ BHTN số; lồng ghép mục tiêu thu hẹp khoảng cách số vào các chương trình tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cho người lao động và người sử dụng lao động (Kinh tế và Dự báo, 2025).

V. Kết luận

Bảo hiểm thất nghiệp giữ vai trò then chốt trong hệ thống an sinh xã hội, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế số với nhiều biến động khó dự đoán. Ở Việt Nam, khung pháp luật về BHTN đã được xây dựng tương đối đầy đủ và đang tiếp tục hoàn thiện thông qua Luật Việc làm 2025 và các văn bản liên quan. Tuy nhiên, để BHTN thực sự trở thành công cụ quản trị thị trường lao động hiện đại, công bằng và hiệu quả, pháp luật BHTN cần gắn chặt hơn với yêu cầu của chuyển đổi số, từ phạm vi bao phủ, phương thức đóng - hưởng, quy trình giải quyết chế độ, đến bảo vệ dữ liệu và liên thông dữ liệu.

Chuyển đổi số vừa tạo điều kiện nâng cao tính minh bạch, kịp thời, chính xác trong quản lý quỹ và chi trả trợ cấp, vừa đặt ra những thách thức mới về khoảng cách số, bảo vệ dữ liệu và bao quát mô hình việc làm mới. Việc hoàn thiện pháp luật BHTN trong giai đoạn tới vì vậy cần được triển khai đồng bộ, kết hợp sửa đổi, bổ sung các quy định pháp lý với tăng cường năng lực tổ chức thực hiện, lấy người lao động làm trung tâm và đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình số hóa an sinh xã hội./.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2025.02.33.

Tài liệu tham khảo

- [1]. BHXH Việt Nam. (2023). *Chuyển đổi số ngành BHXH Việt Nam năm 2023*. Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam.
- [2]. BHXH Việt Nam. (2025a). *BHXH Việt Nam quyết liệt triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025*. BHXH Hà Nội.
- [3]. BHXH Việt Nam. (2025b). *Luật Việc làm 2025: 3 thay đổi lớn người lao động cần biết về bảo hiểm thất nghiệp*. Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam.
- [4]. Bộ Nội vụ. (2025). *Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp*. *Tạp chí Tổ chức nhà nước*.
- [5]. Chính phủ. (2022). *Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030 (Đề án 06)*.
- [6]. Kinh tế và Dự báo. (2025). *Những thách thức trong chuyển đổi số hệ thống bảo hiểm xã hội tại Việt Nam*. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*.
- [7]. Lao động - Xã hội. (2025). *Ứng dụng công nghệ thông tin vào bảo hiểm thất nghiệp đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số*. *Tạp chí Lao động - Xã hội*.
- [8]. Nhân Dân. (2025a). *Quy định về điều kiện và mức hưởng trợ cấp thất nghiệp trong Luật Việc làm 2025*. *Báo Nhân Dân điện tử*.
- [9]. Nhân Dân. (2025b). *Thí điểm 6 thủ tục bảo hiểm thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia*. *Báo Nhân Dân điện tử*.
- [10]. Quốc hội. (2013). *Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013*. Công báo.
- [11]. Quốc hội. (2025). *Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/6/2025*. Công báo.
- [12]. Thời báo Tài chính Việt Nam. (2025). *Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Chủ động chuyển đổi, không làm gián đoạn quyền lợi người thụ hưởng*. *Thời báo Tài chính Việt Nam*.

THE LEGAL FRAMEWORK ON UNEMPLOYMENT INSURANCE IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION IN VIETNAM

Nguyen Thi Phan Mai¹

Abstract: *In the context of the Fourth Industrial Revolution and Vietnam's national digital transformation strategy, unemployment insurance (UI) is facing both new opportunities and challenges. This article employs a doctrinal legal analysis combined with policy analysis and secondary data to clarify the theoretical foundations of UI and digital transformation in social security; to assess the current legal framework on UI in Vietnam, especially the amendments introduced by the 2025 Employment Law; and to examine how digital transformation affects the implementation of UI law. The article then identifies key requirements and orientations for improving the UI legal framework in the digital era, with a focus on expanding coverage to new forms of work, enhancing electronic transactions and data protection, and strengthening data sharing and interoperability among relevant authorities. It argues that legal reform in UI must be closely aligned with digital transformation policies to ensure that no vulnerable worker is left behind in the digitalisation of social security.*

Keywords: *unemployment insurance, employment law, social security, digital transformation, scheme 06, digital data*

¹ Hanoi Open University